TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 46, 15/11/2024

DXY lập đỉnh một năm, VNINDEX chịu áp lực bán mạnh

Tiêu điểm:

- Phiên giao dịch hôm nay (15/11), Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tăng tỷ giá trung tâm thêm 8 đồng lên mức cao mới 24,298 VND/USD. Đây là phiên tăng thư tư liên tiếp của tỷ giá trung tâm với tổng mức tăng từ đầu tuần đến nay là 35 đồng.
- Tỷ giá USD ngày 15/11: Đồng bạc xanh trên thị trường quốc tế tiếp tục tăng mạnh. Ghi nhận lúc 9h (giờ Việt Nam), chỉ số USD Index đạt mức 106.82.
- Ngày 14/11, Chủ tịch Fed, ông Powell cho biết, tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ của Mỹ và phát tín hiệu chưa vội hạ lãi suất

Đánh giá: Thị trường chứng khoán trong nước chịu lực bán mạnh chủ yếu do chịu tác động tiêu cực từ sức ép tỷ giá. Cụ thể, chỉ số DXY trong tuần có thời điểm đã gần chạm 107 – vùng cao nhất trong vòng một năm qua, tăng 6% từ tháng 9. Diễn biến này nối tiếp từ tuần trước, khi thị trường phản ánh với thông tin ông Trump tái đắc cử. Nổi bật nhất, ông Trump sẽ thực hiện tăng thuế nhập khẩu và thực hiện chính sách tài khóa mở rộng khiến lạm phát và lãi suất khó có thể hạ nhiệt. Chúng tôi đánh giá áp lực tỷ giá sẽ chưa thể được giải quyết sớm mà cần phải theo dõi sát sao.

Góc nhìn kĩ thuật: VN-Index đóng cửa tuần tại 1,218.57 (-33.99 điểm; -2.71%) với thanh khoản gia tăng cho thấy lực bán chủ động hơn. Khối ngoại bán ròng khoảng 4 nghìn tỷ đồng trong tuần qua. Bên cạnh đó, nhóm bán lẻ, dầu khí, ngân hàng chịu lực bán khá mạnh. Thị trường đã chính thức thủng EMA 200 và khả năng sẽ về kiểm định lại vùng 1,200.

Ý tưởng đầu tư: Sự phân hóa thị trường diễn ra rất mạnh, nhà đầu tư giao dịch ngắn hạn không nên nắm giữ nhóm cổ phiếu mang tính thị trường cao như ngân hàng, tài chính. Nên ưu tiên nhóm ngành xuất khẩu (tỷ trọng xuất khẩu sang Mỹ cao), hưởng lợi đầu tư công, và khu công nghiệp. Tuy nhiên, tỷ trọng cổ phiếu vẫn nên thấp khi rủi ro của thị trường chung là lớn.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,219	-2.7	-4.9	-0.4	7.8		13.9	1.6	200
Upcom Index	91	-0.9	-0.9	-0.9	4.9		12.6	1.3	61
HNX Index	222	-2.4	-3.2	-3.1	-4.1		17.0	1.1	12
VN30 Index	1,271	-3.5	-6.3	0.5	12.4		10.6	1.5	139
S&P 500 Index	5,949	-0.8	2.3	7.3	24.7		26.9	5.2	52,213
STOXX Europe 600 Index	504	-0.6	-3.3	-1.3	5.1		14.6	2.1	13,857
Hang Seng	19,426	-6.3	-4.4	13.5	14.0		10.1	1.1	2,851
Nikkei 225	38,643	-2.2	-3.2	5.2	15.5		19.0	2.3	4,495
SHCOMP Index	3,331	-3.5	4.0	15.8	12.0			1.4	7,234
STI Index	3,743	0.5	4.1	12.9	15.5		13.6	1.3	420
KOSPI Index	2,417	-5.6	-8.2	-8.6	-9.0		0.2	0.9	1,373

Nguồn: Bloomberg

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Hoàng Nam
(84-28) 5808 7603
nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất
Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	-2.6	-5.0	-2.1	10.7	19.1	10.5	0.6	-13.8	79.5	-1.3	12.6	1.6	4,395,621
Mid Cap	-2.8	-2.1	-3.3	12.8	30.0	30.2	16.1	-23.1	19.5	1.3	16.0	1.2	553,551
Small Cap	-1.7	-1.8	-4.9	-7.9	13.1	25.1	-1.7	-47.4	1.0	-0.1	129.9	0.7	65,263

Theo ngành

Tên ngành	% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Truyền thông	1.5	15.9	19.2	-8.3	52.4	60.3	150.9	129.1	0.2	0.0	20.2	1.2	1,962
Du lịch và Giải trí	0.5	8.3	6.3	27.6	17.2	33.4	47.9	17.3	1.4	0.0	20.4	11.2	123,196
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	0.5	3.8	-0.2	32.4	44.7	71.0	72.8	-3.1	6.8	1.1	17.0	1.4	167,402
Bất động sản	-0.7	-2.8	-0.2	-5.0	-2.1	-1.0	-3.1	-19.8	18.0	-4.3	16.8	1.0	706,211
Công nghệ Thông tin	-0.9	-1.5	3.7	57.2	79.7	104.4	72.6	41.6	5.9	1.9	27.0	4.5	215,770
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.1	0.0	-3.5	13.6	-12.1	20.1	-13.3	-25.0	1.4	-0.5	13.7	1.8	60,597
Bảo hiểm	-1.3	1.5	-1.8	10.4	54.0	82.5	7.9	-26.8	0.2	0.0	14.0	1.4	44,991
Thực phẩm và đồ uống	-1.5	-5.5	-7.0	-0.7	10.1	7.8	4.5	-17.4	8.4	-0.8	19.4	2.2	418,067
Xây dựng và vật liệu	-1.6	-2.1	-0.6	-2.8	34.7	41.4	32.5	-17.0	4.9	0.5	17.9	1.2	121,338
Tiện ích	-1.8	-5.0	-12.0	-2.9	10.6	12.6	-25.4	-48.5	1.0	-0.1	18.2	1.8	288,641
Dược và Y tế	-2.9	-4.8	-1.0	8.1	13.0	-10.6	-17.1	-3.2	0.3	0.0	17.0	2.2	37,243
Hóa chất	-3.2	-9.2	-7.2	29.0	59.2	44.6	10.4	-17.6	5.0	1.2	21.4	1.9	227,122
Ngân hàng	-3.5	-6.0	0.4	15.6	16.3	-10.2	-12.8	-15.5	22.0	-0.9	9.0	1.5	1,988,513
Tài nguyên cơ bản	-4.4	-5.0	-0.8	-1.0	61.1	65.9	22.0	-8.3	7.6	1.9	15.8	1.3	207,892
Dầu khí	-5.2	-10.9	-22.3	3.6	58.2	34.8	0.4	-22.4	1.1	0.3	6.9	2.2	61,687
Tài chính	-5.5	-6.5	-3.7	5.1	37.4	20.2	-8.2	-30.2	11.3	1.3	17.5	1.3	190,519
Ô tô & Phụ tùng	-6.1	-3.7	-13.4	-3.4	13.3	8.0	15.0	-28.0	0.4	0.0	14.0	1.0	14,112
Bán lẻ	-6.4	-6.9	-11.3	35.4	-13.6	-10.7	-16.3	-25.9	4.0	-1.6	33.0	3.4	126,035

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**2,564**	-5.2	-84.5	-188.2	-861.2
Nước ngoài	**1,676**	-5.4	-82.5	-166.1	-585.1
VanEck Vectors Vietnam ETF	447	-4.2	-14.4	-22.6	39.9
Fubon FTSE Vietnam ETF	586	0.0	-7.8	-62.5	-146.6
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	202	0.0	-6.9	-31.8	-422.6
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	262	-1.3	-16.7	-12.5	3.7
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	162	0.0	-34.0	-34.0	-50.7
Premia MSCI Vietnam ETF	5	0.0	0.0	0.0	-5.6
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	2	0.0	-2.7	-2.7	-3.1
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**888**	0.2	-2.0	-22.1	-276.2
DCVFMVN Diamond ETF	555	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	275	0.0	2.4	-14.4	-111.2
SSIAM VNFIN LEAD ETF	18	0.2	-4.4	-8.2	-163.3
MAFN VN30 ETF	25	0.0	0.0	-0.1	-2.3
SSIAM VNX50 ETF	5	0.0	0.0	0.0	-2.4
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	6	0.0	0.0	0.7	3.0

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	96,396	70,179	52,200
Ấn độ	134	-2,662	-13,607	-2,573
Indonesia	-261	-555	-1,274	1,975
Nhật Bản*	3,367	4,278	20,888	14,887
Maylaysia	-53	-159	-572	235
Hàn Quốc	-1,274	-1,198	-4,602	5,960
Sri Lanka	-1	0	-1	-20
Đài Loan	-3,176	-4,016	-2,885	-16,226
Thái Lan	-95	-273	-1,118	-3,699
Việt Nam	-105	-254	-650	-2,875

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

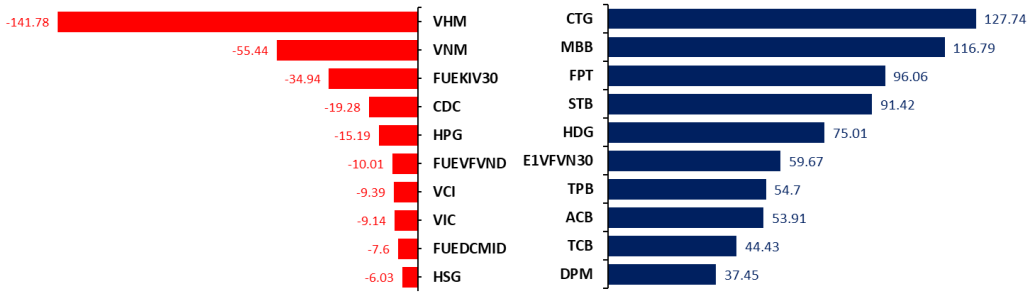
Chú thích:

WTD: từ đầu tuần
MTD: từ đầu tháng
QTD: từ đầu quý
YTD: từ đầu năm

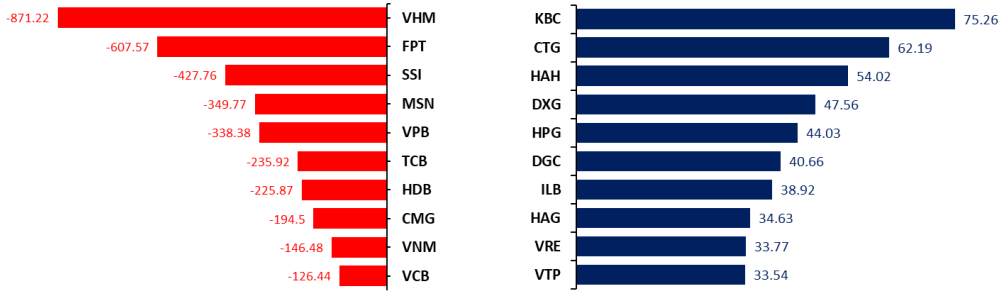
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-58	-130	-842	972
Tài nguyên Cơ bản	-24	8	-37	28
Truyền thông	0	0	2	-2
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	73	89	-408	319
Y tế	-4	-10	11	-1
Hóa chất	52	55	-96	41
Dịch vụ tài chính	0	-520	576	-56
Du lịch và Giải trí	6	-5	16	-11
Ngân hàng	571	-1,035	636	399
Xây dựng và Vật liệu	-10	-34	63	-28
Thực phẩm và đồ uống	-54	-389	424	-36
Bán lẻ	13	-110	50	60
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0	-17	13	4
Hàng cá nhân & Gia dụng	7	34	-64	30
Công nghệ Thông tin	96	-486	380	106
Ô tô và phụ tùng	-4	-33	42	-9
Bảo hiểm	1	-2	-43	45
Dầu khí	3	-118	145	-27
Tổng	667	-2,703	870	1,834

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	SFC	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	19.05 - 28.00	23.2	-15.0%
2	CTF	Ô tô và phụ tùng	26.50 - 36.55	27.5	-14.2%
3	HRC	Hóa chất	38.65 - 55.00	38.7	-13.9%
4	VDS	Dịch vụ tài chính	12.83 - 24.66	17.6	-11.6%
5	NKG	Tài nguyên Cơ bản	19.05 - 27.20	19.1	-11.0%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
20.3%	21.0	15.90 - 23.00	Hóa chất	DTT
14.6%	22.0	16.40 - 24.35	Xây dựng và Vật liệu	SC5
14.0%	11.8	8.85 - 15.30	Thực phẩm và đồ uống	HAG
12.9%	41.2	33.00 - 45.25	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	S4A
12.7%	11.8	65.00 - 122.50	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VTP

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	MEL	Tài nguyên Cơ bản	5.70 - 8.50	6.1	-28.2%
2	DC2	Xây dựng và Vật liệu	4.30 - 10.20	6.3	-19.2%
3	VC1	Xây dựng và Vật liệu	7.50 - 11.00	8.2	-17.2%
4	BBS	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	9.40 - 13.00	9.4	-16.8%
5	VLA	Công nghệ Thông tin	10.00 - 21.00	12.6	-16.0%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
30.4%	51.0	33.50 - 68.90	Thực phẩm và đồ uống	CAN
30.0%	9.1	3.33 - 9.10	Xây dựng và Vật liệu	PTD
26.4%	12.2	5.60 - 14.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VCM
20.6%	7.6	2.80 - 8.20	Du lịch và Giải trí	PGT
19.0%	6.9	5.60 - 42.00	Xây dựng và Vật liệu	GKM

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	PEG	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	3.60 - 9.80	4.4	-40.5%
2	ATA	Thực phẩm và đồ uống	0.40 - 1.30	0.4	-33.3%
3	IN4	Truyền thông	23.50 - 156.00	57.8	-27.8%
4	DNM	Y tế	7.70 - 20.80	7.7	-26.7%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	7.10 - 13.40	9.7	-26.0%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
62.2%	7.3	4.50 - 15.50	Hàng cá nhân & Gia dụng	VTL
46.8%	18.5	12.60 - 23.00	Y tế	DPP
39.6%	14.8	7.10 - 15.20	Y tế	BBH
30.4%	33.9	16.60 - 33.90	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	VLW
30.3%	11.6	5.10 - 20.00	Du lịch và Giải trí	DXL

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cố phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	HTG	Dệt may Hòa Thọ	Hàng cá nhân & Gia dụng	986.0	367.3	45.9	3.65 - 5.73	7.3
2	VSC	VICONSHIP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	98,619.5	336.0	17.5	16.37 - 22.56	2.9
3	HAG	Hoàng Anh Gia Lai	Thực phẩm và đồ uống	107,245.3	258.8	11.8	8.85 - 15.30	14.0
4	VOS	Vận tải Biển Việt Nam	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	61,192.2	231.9	15.9	9.81 - 22.50	7.5
5	PHR	Cao su Phước Hòa	Hóa chất	9,451.6	165.1	55.1	45.35 - 65.90	-1.4
6	CSV	Hóa chất Cơ bản miền Nam	Hóa chất	113,328.5	162.4	37.6	14.88 - 45.45	2.7
7	GEE	Thiết bị điện GELEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	276.5	153.7	33.1	30.50 - 43.90	-1.3
8	SHI	SONHA CORP	Tài nguyên Cơ bản	4,148.4	148.4	14.6	13.25 - 15.80	0.0
9	ITC	Đầu tư kinh doanh Nhà	Bất động sản	1,971.0	138.3	10.6	9.55 - 12.80	-3.2
10	FIT	Tập đoàn F.I.T	Dịch vụ tài chính	4,488.5	133.9	4.2	4.05 - 5.23	-5.2

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

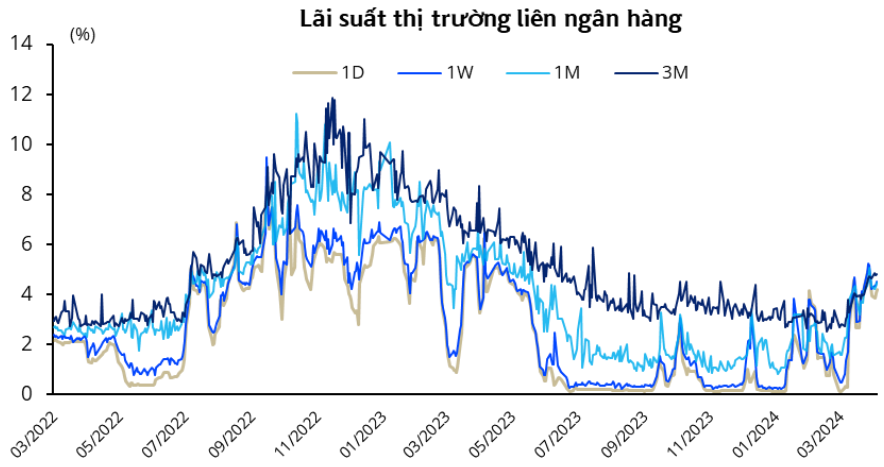
Tỷ giá

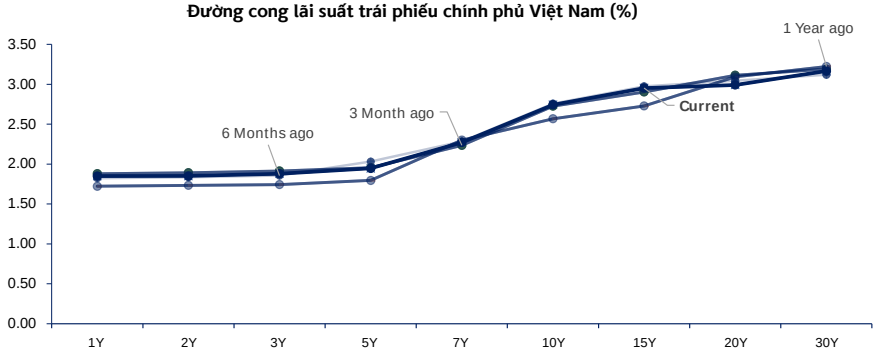
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	106.57	1.5	3.2	3.5	5.2	
VND/USD	25,387	0.4	1.9	1.4	4.6	
KRW/USD	1,395.40	0.0	2.2	2.5	8.3	
JPY/USD	155.45	1.8	4.2	4.1	10.2	
EUR/USD	0.95	1.4	3.1	3.8	4.4	
SGD/USD	1.34	1.2	2.4	1.4	1.6	
CNY/USD	7.23	0.6	1.5	0.7	1.8	

Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	67.87	-3.6	-3.8	-13.2	-5.3	
Xăng	195.96	-2.6	-3.8	-16.9	-6.8	
Gas	2.72	1.9	8.9	23.9	8.2	
Than	141.50	-0.5	-4.5	-2.9	-3.3	
Vàng	2,567.61	-4.4	-3.6	4.5	24.5	
Bạc	30.45	-2.7	-3.3	7.4	28.0	
Platinum	947.79	-2.5	-4.1	-0.9	-4.4	
Quặng sắt	102.22	-2.9	-4.6	3.0	-25.0	
Thép cán	3,516.00	-2.4	-3.5	11.2	-13.8	
Lúa mì	532.25	-7.0	-8.2	0.8	-15.2	
Ngô	419.00	-2.8	4.4	11.7	-11.1	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam





TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.85	1.85	1.88	1.95	2.27	2.74	2.95	2.90	2.98
Thay đổi (WoW)	0.00	0.00	-1.50	1.60	5.60	1.80	1.40	0.00	0.20

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

15/11/2024 3:00 PM

ĐVT: nghìn đồng

Cổ phiếu khuyến nghị trong tuần

Khuyến nghị *	Vùng mua/bán	Target	Cut loss	Upside	Downside	Giá hiện tại	Tín hiệu	Ghi chú

Danh mục đang nắm giữ ngắn hạn

Cổ phiếu	Khuyến nghị	Giá mua	Giá mục tiêu	Stop loss	Upside	Downside	Giá hiện tại	T+	Lãi/Lỗ	Ngày	Ghi chú
HPG	Bán	27.15	29.9	26.0	10%	-4%	25.9	20	-4.60%	18/10/2024	Đã chạm điểm cutloss + Thủng EMA 200
HAH	Bán	42.5	46.5	40.4	9%	-5%	47.5	20	11.76%	18/10/2024	Đã đạt target chốt lời
VHC	Giữ	73.2	80.1	72.3	9%	-1%	74.0	18	1.09%	22/10/2024	
CTD	Giữ	67.2	76.0	64.5	13%	-4%	66.0	14	-1.79%	28/10/2024	
PTB	Giữ	63.5	73.0	61.8	14%	-4%	63.0	1	-0.79%	14/11/2024	

Lưu ý: Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành. Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư. Xin vui lòng xem thêm chi tiết phần Thông báo tuân thủ và Miễn trừ trách nhiệm ở cuối báo cáo này.

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co,. Ltd,
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo tuân thủ & Miễn trừ trách nhiệm

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.